TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **290**/2023/HC-PT
Ngày 24/8/2023
V/v: "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Nguyễn Văn Tiến**

Các Thẩm phán: ông **Nguyễn Cường**

ông **Đinh Phước Hòa**

- Thư ký phiên tòa: ông **Lương Quang Toàn**; Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông **Phạm Tấn Ánh;** Kiểm sát viên.

Vào ngày 24 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 129/2023/TLPT-HC ngày 13/6/2023 về việc "*Kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*". Do Bản án hành chính sơ thẩm số 60/2023/HC-ST ngày 05 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo. Giữa các đương sự:

**** Người khởi kiện:***

1. Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1959; địa chỉ: Tổ dân phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1957; địa chỉ: Tổ dân phố H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

3. Bà Đỗ Thị Thanh T1, sinh năm 1971; vắng mặt;

Người đại diện theo ủy quyền của bà T1*:* ông Đào Cao D – sinh năm 1967; vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Cùng địa chỉ: 4 H, Tổ dân phố C, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

4. Ông Phạm Văn H, sinh năm 1966; địa chỉ: Tổ dân phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

5. Ông Đào Cao C, sinh năm 1963; địa chỉ: 6 M, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

Người đại điện theo ủy quyền của người khởi kiện ông Nguyễn Ngọc T*, ông* Nguyễn Ngọc L*, ông* Phạm Văn H*, ông* Đào Cao C*:* ông Lê Thanh T2*,* sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn H, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

**** Người bị kiện:*** Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: ông Lê Đại T3 – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B *(theo văn bản ủy quyền số 168/GUQ-UBND ngày 14/12/2022);* địa chỉ: A L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: ông Phạm Văn N – Trưởng phòng Kỹ thuật, giải phóng mặt bằng Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: Số F C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

**** Người có quyền nghĩa vụ liên quan:***

1. Bà Nguyễn Thị Mộng T4, sinh năm 1987; địa chỉ: Tổ dân phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Phước L1, sinh năm 1991; địa chỉ: Tổ dân phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

3. Bà Đỗ Thị Kim C1, sinh năm 1959; địa chỉ: Tổ dân phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

4. Bà Hoàng Thị Đ, sinh nắm 1962; địa chỉ: Tổ dân phố H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

5. Ông Nguyễn Chí P, sinh năm 1981; địa chỉ: Tổ dân phố H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

6. Bà Nguyễn Thị Hồng H1, sinh năm 1988; địa chỉ: Tổ dân phố H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

7. Bà Phạm Thi N1, sinh năm 1974; địa chỉ: Tổ dân phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng người khởi kiện ông*** Nguyễn Ngọc T***; ông*** Nguyễn Ngọc L***; ông*** Đào Cao D***; ông*** Phạm Văn H***; bà*** Đỗ Thị Thanh T1 ***và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:***

1. Về nguồn gốc đất: 05 hộ gia đình gồm Hộ ông Nguyễn Ngọc T; hộ ông Nguyễn Ngọc L; hộ ông Đào Cao D; hộ ông Phạm Văn H; hộ bà Đỗ Thị Thanh T1 đang sử dụng đất có nguồn gốc: Đất nhà nước giao Công ty TNHH MTV B quản

lý. Công ty TNHH MTV B ký hợp đồng liên kết sản xuất cà phê với các hộ gia đình như sau:

- Hộ gia đình ông Nguyễn Ngọc T có Hợp đồng số 52Đ1/2012/HĐ ngày 12/6/2012 tại thửa đất số 83, tờ bản đồ số 27, với diện tích 4.860 m^2 (là thửa đất số 52 và 63, tờ bản đồ dự án số 27). Thời hạn hợp đồng đến ngày 31/12/2020. Diện tích đất bị thu hồi là 2.024,8m^2.

- Hộ gia đình ông Nguyễn Ngọc L có Hợp đồng số 50Đ1/2012/HĐ ngày 12/6/2012 tại thửa đất số 83, tờ bản đồ số 27 (là thửa đất số 52 và 63, tờ bản đồ dự án số 27), với diện tích 4.960 m^2. Thời hạn hợp đồng đến ngày 31/12/2020. Diện tích đất bị thu hồi là 4.565,1m^2.

- Hộ gia đình ông Đ1 Cao Cường có Hợp đồng số 178B/HĐKT ngày 10/4/2007 tại thửa đất số 61, tờ bản đồ số 06 (là thửa đất số 28 và 36, tờ bản đồ dự án số 27) với diện tích 5.033 m^2. Thời hạn hợp đồng đến ngày 31/12/2020. Diện tích đất bị thu hồi là 2.348,7m^2.

- Hộ gia đình bà Đỗ Thị Thanh T1 có Hợp đồng số 167/HĐKT ngày 01/7/1998 tại thửa đất số 33 + 34, tờ bản đồ số 03, với diện tích 9.855 m^2 (là thửa đất số 92, tờ bản đồ dự án số 27). Thời hạn hợp đồng đến ngày 31/12/2020. Diện tích đất bị thu hồi là 3.343,5 m^2.

- Hộ gia đình ông Phạm Văn H có Hợp đồng số 167/HĐKT ngày 01/7/1998 tại thửa đất số 33 + 34, tờ bản đồ số 03, với diện tích 9.855 m^2 (là thửa đất số 72, tờ bản đồ dự án số 27). Ngày 12/03/2012, Công Ty B Buôn Ma T5 xác nhận ông Phạm Văn H có cùng hợp đồng với bà Đỗ Thị Thanh T1. Thời hạn hợp đồng của các hộ gia đình đến 31/12/2020. Diện tích đất bị thu hồi là 2.040,1m^2.

05 Hộ gia đình khởi kiện UBND thành phố với lý do: không được UBND thành phố B phê duyệt bổ sung 03 khoản kinh phí: (1) Chi phí đầu tư vào đất còn lại, (2) Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất, (3) Hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm khi Nhà nước thu hồi đất, vì UBND thành phố B cho rằng: Hợp đồng nhận khoán của gia đình các hộ dân hết thời hạn trước thời điểm UBND thành phố phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tại Quyết định số 283/QĐ-UBND ngày 19/01/2022.

Việc không phê duyệt 03 khoản kinh phí hỗ trợ nêu trên làm ảnh hưởng, xâm hại trực tiếp đến quyền lợi của hộ gia đình các hộ dân, bởi lẽ:

Do lỗi của Nhà nước triển khai bồi thường, hỗ trợ chậm:

- Cơ quan nhà nước (UBND thành phố B và Trung tâm phát triển quỹ đất Đắk Lắk) chậm giải quyết bồi thường, hỗ trợ chậm sau khi Công ty TNHH MTV B bị giải thể và bị thu hồi đất tại Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 04/01/2017 của UBND tỉnh Đ, lúc này Hợp đồng nhận khoán của những người khởi kiện chưa hết thời hạn.

- Thời điểm phê duyệt quy hoạch 1/500 của dự án Khu dân cư 30/4 tại Quyết định số 2328/QĐ-UBND ngày 01/4/2019 và Quyết định phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư dự án tại Quyết định số 176/QĐ-UBND ngày 22/01/2020 của UBND tỉnh nhưng UBND thành phố B và Trung tâm P1 chậm triển khai, lúc này Hợp đồng nhận khoán của các hộ dân chưa hết thời hạn.

Về chi phí đầu tư vào đất còn lại:

Đây là các khoản kinh phí do các hộ dân đã đầu tư nhằm cải tạo đất qua hàng năm nhưng các hộ dân không có giấy tờ gì để chứng minh nội dung này. Trên thực tế thì các hộ dân đã nhận khoán đất từ nhiều năm và đóng góp nhiều công sức, tiền của trong cải tạo đất, do đó việc Hợp đồng hết thời hạn hay không hết thời hạn thì nội dung đầu tư vào đất cũng đã thực hiện trên thực tế, đồng thời quy định pháp luật hiện hành cũng không quy định việc Hợp đồng giao khoán phải còn thời hạn thì mới được hỗ trợ.

Tại thời điểm nhà nước thu hồi đất thì gia đình các hộ dân vẫn đang sử dụng đất, vẫn đang canh tác trên khu đất.

Do đó căn cứ theo Khoản 2, Điều 1, Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Đ thì các hộ dân được hỗ trợ phi phí đầu tư vào đất còn lại bằng 10% giá trị diện tích đất bị thu hồi tính theo Bảng giá đất do UBND tỉnh quy định.

Về hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất:

Gia đình các hộ dân là hộ nhận khoán với Công ty TNHH MTV B thuộc đối tượng quy định tại điểm d, Khoản 1, Điều 19, Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, Quy định pháp luật hiện hành cũng không quy định việc Hợp đồng giao khoán phải còn thời hạn thì mới được hỗ trợ. Do đó gia đình các hộ dân phải được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất theo Điều 17, Quyết định số 39/2014/QĐ-UBND ngày 10/11/2014 của UBND tỉnh Đ.

Về hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm:

Theo quy định pháp luật hiện hành: tại điểm b Khoản 2 Điều 83 Luật Đất đai năm 2013; Điều 20 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ; Khoản 6 Điều 4 Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ thì hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp đang sử dụng đất do nhận giao khoán khi Nhà nước thu hồi đất được xem xét hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm. Do đó chỉ cần đáp ứng điều kiện là trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có Hợp đồng giao khoán để chứng minh việc sử dụng đất có nguồn gốc do nhận giao khoán là đủ điều kiện được hỗ trợ. Pháp luật hiện hành không quy định Hợp đồng giao khoán còn thời hạn hay hết thời hạn thì mới được hỗ trợ.

Như vậy, đối chiếu quy định, gia đình các hộ dân đủ điều kiện được hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm khi Nhà nước thu hồi đất vì: gia đình các hộ

dân là hộ gia đình nhận khoán sản xuất cà phê với Công ty TNHH MTV B (có Hợp đồng giao khoán), trực tiếp sản xuất nông nghiệp, có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp, sử dụng đất ổn định, không tranh chấp từ thời điểm nhận khoán cho đến nay. Do đó phải được hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo quy định.

Vì vậy người khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk giải quyết: Hủy một phần Quyết định số 283/QĐ-UBND ngày 19/01/2022 của UBND thành phố B; buộc UBND thành phố B phải phê duyệt các khoản hỗ trợ: (1) Chi phí đầu tư vào đất còn lại, (2) Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất, (3) Hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm khi Nhà nước thu hồi đất vào Phương án bồi thường mới cho các hộ ông Nguyễn Ngọc T, ông Nguyễn Ngọc L, ông Đào Cao D, ông Phạm Văn H, bà Đỗ Thị Thanh T1.

**** Quá trình tham gia tố tụng, đại diện theo ủy quyền của người bị kiện là*** UBND thành phố B ***trình bày:***

Năm 2017, UBND tỉnh Đ thu hồi đất của Công ty TNHH MTV B *(do Công ty giải thể)* giao Trung tâm phát triển quỹ đất Đắk Lắk quản lý tại Quyết định 07/QĐ-UBND ngày 04/01/2017 trong đó có các thửa đất của 05 hộ gia đình đang sử dụng nêu trên.

Căn cứ Công văn số 6545/UBND-TH ngày 13/8/2019 của UBND tỉnh về việc đầu tư dự án: Hạ tầng kỹ thuật khu đất tại đường 30 tháng 4, Tổ dân phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Trung tâm phát triển quỹ đất Đắk Lắk lập phương án bồi thường, hỗ trợ đã được UBND thành phố B phê duyệt tại Quyết định số 238/QĐ-UBND ngày 01/12/2021, theo đó kinh phí bồi thường, hỗ trợ đối với 05 hộ gia đình cụ thể như sau:

- Hộ gia đình ông Nguyễn Ngọc T số tiền là: 909.114.418 đồng;
- Hộ gia đình ông Nguyễn Ngọc L số tiền là: 479.461.681 đồng;
- Hộ gia đình ông Đ1 Cao Cường số tiền là: 395.225.817 đồng;
- Hộ gia đình bà Đỗ Thị Thanh T1 số tiền là: 268.239.799 đồng;
- Hộ gia đình ông Phạm Văn H số tiền là: 385.413.028 đồng;

Bao gồm chi phí bồi thường, hỗ trợ về cây trồng, nhà, tài sản vật kiến trúc chưa bao gồm các khoản hỗ trợ chi phí đầu tư vào đất còn lại, hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất, hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm mà các hộ gia đình đang có đơn khởi kiện.

Ngày 01/12/2021, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 238/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với 05 hộ gia đình, tại thời điểm này thì áp dụng Quyết định số 39/2014/QĐ-UBND ngày 10/11/2014 của UBND tỉnh Đ trong phương án không có các khoản hỗ trợ: chi phí đầu tư vào đất còn lại, hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất, hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm

kiếm việc làm, lý do: tại thời điểm thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, hợp đồng nhận khoán của các hộ gia đình đã hết hạn.

Để đảm bảo công bằng giữa đối tượng có cùng điều kiện hoàn cảnh tương đồng trong cùng dự án. Tránh sự so sánh khiếu nại giữa các hộ phê duyệt phương án có thời điểm trước và sau ngày 25/3/2022 (Quyết định 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ có hiệu lực). Ủy ban nhân dân thành phố B căn cứ các công trình dự án có tính chất tương tự, đã có Báo cáo số 307/BC-UBND ngày 26/7/2022 đề xuất áp dụng các chế độ chính sách hỗ trợ bao gồm: chi phí đầu tư vào đất còn lại, hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất, hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với các hộ có hợp đồng giao khoán, hợp đồng liên kết hết thời hạn. Tuy nhiên đến nay Ủy ban nhân dân tỉnh Đ chưa có chỉ đạo cụ thể về việc hỗ trợ chi phí đầu tư vào đất còn lại, hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất, hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với các hộ có hợp đồng giao khoán, hợp đồng liên kết hết thời hạn. Do đó, việc UBND thành phố B phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với 05 hộ gia đình tại Quyết định số 238/QĐ-UBND ngày 01/12/2021 là đúng với quy định hiện hành.

**** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện*** Ủy ban nhân dân thành phố B***, tỉnh Đắk Lắk trình bày:*** Nhất trí với lời khai của UBND thành phố B và không bổ sung gì thêm, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của đối với 05 hộ gia đình: Hộ ông Nguyễn Ngọc T; hộ ông Nguyễn Ngọc L; hộ ông Đào Cao D; hộ ông Phạm Văn H; hộ bà Đỗ Thị Thanh T1.

**** Quá trình giải quyết vụ án, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đồng quan đồng điểm với người khởi kiện và có đơn xin xét xử vắng mặt.***

Nội dung vụ án như trên, **Bản án sơ thẩm số 60/2023/HC-ST ngày 05/5/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định**:

Căn cứ: Điều 61; Điều 62; a khoản 3 Điều 69 Luật đất đai năm 2013; điểm 2, khoản 2, Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính Phủ; khoản 1, 2 Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất. Căn cứ khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của những người khởi kiện gồm: Ông Nguyễn Ngọc T; ông Nguyễn Ngọc L; ông Đào Cao C; ông Phạm Văn H; bà Đỗ Thị Thanh T1 (ông Đào Cao D).

Hủy một phần Quyết định số 283/QĐ-UBND về việc *"Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng Công trình: Hạ tầng kỹ thuật khu đất tại đường 30 tháng 4,* tổ dân phố D, phường T, thành phố B *(đợt 1)"*; Buộc Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk phải hỗ trợ về khoản đào tạo,

chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm; hỗ trợ ổn định đời sống sản sản xuất cho hộ ông Nguyễn Ngọc T; ông Nguyễn Ngọc L; ông Đào Cao C; ông Phạm Văn H; bà Đỗ Thị Thanh T1 (ông Đào Cao D).

Bác một phần yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Nguyễn Ngọc T; ông Nguyễn Ngọc L; ông Đào Cao C; ông Phạm Văn H; bà Đỗ Thị Thanh T1 (ông Đào Cao D) về yêu cầu phải bổ sung phương án bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại.

Ngoài ra, Bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm: ngày 26/5/2023, người bị kiện - UBND thành phố B kháng cáo đề nghị sửa Bản án sơ thẩm số 60/2023/HC-ST ngày 05/5/ 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, không chấp nhận các khoản hỗ trợ ổn định đời sống sản sản xuất, hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với 05 hộ gia đình.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Người khởi kiện và Người bị kiện vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của Người bị kiện, giữ nguyên Quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 60/2023/HC-ST ngày 05/5/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Sau khi nghe: Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và quan điểm của Viện kiểm sát về giải quyết vụ án. Sau khi thảo luận và nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Người bị kiện có kháng cáo và những người liên quan đến kháng cáo đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 4 Điều 225 Luật tố tụng hành chính tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Xét kháng cáo của UBND thành phố B đề nghị sửa Bản án sơ thẩm số 60/2023/HC-ST ngày 05/5/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, không chấp nhận các khoản hỗ trợ ổn định đời sống sản sản xuất, hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với 05 hộ gia đình thì thấy:

[2.1]. Công ty TNHH MTV B ký hợp đồng liên kết sản xuất cà phê đối với 05 hộ gia đình như sau:

- Hộ gia đình ông Nguyễn Ngọc T có Hợp đồng số 52Đ1/2012/HĐ ngày 12/6/2012 tại thửa đất số 83, tờ bản đồ số 27, với diện tích 4.860 m^2 (là thửa đất số 52 và 63, tờ bản đồ dự án số 27). Thời hạn hợp đồng đến ngày 31/12/2020.

- Hộ gia đình ông Nguyễn Ngọc L có Hợp đồng số 50Đ1/2012/HĐ ngày 12/6/2012 tại thửa đất số 83, tờ bản đồ số 27 (là thửa đất số 52 và 63, tờ bản đồ dự án số 27), với diện tích 4.960 m^2. Thời hạn hợp đồng đến ngày 31/12/2020.

- Hộ gia đình ông Đ1 Cao Cường có Hợp đồng số 178/HĐKT ngày 10/4/2007 tại thửa đất số 61, tờ bản đồ số 06 (là thửa đất số 28 và 36, tờ bản đồ dự án số 27) với diện tích 5.033 m^2. Thời hạn hợp đồng đến ngày 31/12/2020.

- Hộ gia đình bà Đỗ Thị Thanh T1 có Hợp đồng số 167/HĐKT ngày 01/7/1998 tại thửa đất số 33 + 34, tờ bản đồ số 03, với diện tích 9.855 m^2 (là thửa đất số 92, tờ bản đồ dự án số 27). Thời hạn hợp đồng đến ngày 31/12/2020.

- Hộ gia đình ông Phạm Văn H có Hợp đồng số 167/HĐKT ngày 01/7/1998 tại thửa đất số 33 + 34, tờ bản đồ số 03, với diện tích 9.855 m^2 (là thửa đất số 72, tờ bản đồ dự án số 27). Ngày 12/03/2012, Công Ty B Buôn Ma T5 xác nhận ông Phạm Văn H có cùng hợp đồng với bà Đỗ Thị Thanh T1. Thời hạn hợp đồng của các hộ gia đình đến 31/12/2020.

[2.2]. Các hộ: Ông Nguyễn Ngọc T, ông Nguyễn Ngọc L, ông Đào Cao C, ông Phạm Văn H và bà Đỗ Thị Thanh T1 (ông Đào Cao D) đang sử dụng đất ổn định theo các Hợp đồng nhận khoán. Ngày 04/01/2017, UBND tỉnh Đ ban hành Quyết định 07/QĐ-UBND, về việc thu hồi đất của Công ty B, tỉnh Đắk Lắk; ngày 19/01/2022, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 283/QĐ-UBND về việc Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng Công trình: Hạ tầng kỹ thuật khu đất tại đường 30 tháng 4, tổ dân phố D, phường T, thành phố B (đợt 1) (sau đây gọi tắt là Quyết định 283), theo Quyết định cụ thể:

- Hộ gia đình ông Nguyễn Ngọc T diện tích đất bị thu hồi là 2.024,8m^2. Nhà nước đã hỗ trợ, bồi thường cho ông Nguyễn Ngọc T với tổng số tiền là 909.114.418 đồng.

- Hộ gia đình ông Nguyễn Ngọc L diện tích đất bị thu hồi là 4.565,1m^2. Nhà nước đã hỗ trợ, bồi thường cho ông Nguyễn Ngọc T với tổng số tiền là 479.461.681 đồng.

- Hộ gia đình ông Đ1 Cao Cường diện tích đất bị thu hồi là 2.348,7m^2. Nhà nước đã hỗ trợ, bồi thường cho ông Nguyễn Ngọc T với tổng số tiền là 395.225.817 đồng.

- Hộ gia đình bà Đỗ Thị Thanh T1 diện tích đất bị thu hồi là 3.343,5 m^2. Nhà nước đã hỗ trợ, bồi thường cho ông Nguyễn Ngọc T với tổng số tiền là 268.239.799 đồng.

- Hộ gia đình ông Phạm Văn H diện tích đất bị thu hồi là 2.040,1m^2. Nhà nước đã hỗ trợ, bồi thường cho ông Nguyễn Ngọc T với tổng số tiền là 385.413.028 đồng.

Số tiền 05 hộ trên được Nhà nước hỗ trợ, bồi thường bao gồm chi phí bồi thường, hỗ trợ về cây trồng, nhà, tài sản vật kiến trúc chưa bao gồm các khoản hỗ trợ chi phí đầu tư vào đất còn lại, hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất, hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm nên 05 hộ trên không đồng ý với một phần Quyết định 283/QĐ-UBND.

[2.3]. Xét yêu cầu của những người khởi kiện về việc buộc UBTP Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk phải hỗ trợ ổn định đời sống và sản sản xuất; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm khi nhà nước thu hồi đất, thì thấy:

Tại các Biên bản về việc xác minh hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp ngày 17/11/2021 đối với hộ ông Nguyễn Ngọc L có 04 nhân khẩu có nghề làm nông; biên bản về việc xác minh ngày 23/11/2021 đối với hộ ông Phạm Văn H có 02 nhân khẩu có nghề làm nông; biên bản về việc xác minh ngày 01/12/2021 đối với hộ ông Đào Cao D, bà Đỗ Thị Thanh T1 có 02 nhân khẩu có nghề làm nông; biên bản về việc xác minh ngày 22/11/2021 đối với hộ ông Đ1 Cao Cường có 02 nhân khẩu có nghề làm nông; biên bản về việc xác minh ngày 22/12/2021 đối với hộ ông Nguyễn Ngọc T có 04 nhân khẩu có nghề làm nông; Các hộ có nhân khẩu trên thuộc đối tượng trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên diện tích đất thu hồi và có thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp.

Đồng thời khi nhận khoán đất và vườn cây, những Người khởi kiện không phải là cán bộ, công nhân của Công ty mà là người trực tiếp sản xuất trên diện tích đất nhận khoán nên theo quy định tại điểm d khoản 1, khoản 2 Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, thì 05 hộ gia đình trên thuộc diện được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm.

UBND thành phố B, tỉnh Đắk Lắk cũng đã có Báo cáo số 307/BC-UBND ngày 26/7/2022 đề xuất với UBND tỉnh Đ được áp dụng khoản hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm; hỗ trợ ổn định đời sống, sản xuất đối với các hộ có hợp đồng giao nhận khoán, khi Nhà nước thu hồi đất (BL- 189). Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện về: hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm khi nhà nước thu hồi đất là đúng quy định tại khoản 2 điểm c khoản 5; khoản 6 Điều 4 của Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ và Điều 6 Thông tư 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2017 của Bộ T6 và Môi trường.

[3]. Từ những nhận định trên, có căn cứ để khẳng định: Bản án sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc T; ông Nguyễn Ngọc L; ông Đào Cao C; ông Phạm Văn H; bà Đỗ Thị Thanh T1 về yêu cầu hủy một phần Quyết định số 283/QĐ-UBND về việc Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng Công trình: Hạ tầng kỹ thuật khu đất tại đường 30 tháng 4, tổ dân phố D, phường T, thành phố B (đợt 1); Buộc Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk phải hỗ trợ về khoản đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm

kiếm việc làm; hỗ trợ ổn định đời sống sản sản xuất cho gia đình 05 hộ trên là có căn cứ, đúng pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, Người bị kiện kháng cáo nhưng không có chứng cứ nào mới nên Hội đồng xét xử phúc thẩm Bác đơn kháng cáo của Người bị kiện; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 60/2023/HC-ST ngày 05/5/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

[4] Án phí phúc thẩm: Do bác kháng cáo nên Ủy ban nhân dân thành phố B phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Từ những nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính.

Bác kháng cáo của Ủy ban nhân dân thành phố B. Giữ nguyên Quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 60/2023/HC-ST ngày 05/5/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Áp dụng: Điều 61, Điều 62 và điểm a khoản 3 Điều 69 Luật đất đai năm 2013; điểm 2, khoản 2, Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính Phủ; khoản 1, 2 Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của những người khởi kiện gồm: Ông Nguyễn Ngọc T; ông Nguyễn Ngọc L; ông Đào Cao C; ông Phạm Văn H; bà Đỗ Thị Thanh T1 (ông Đào Cao D).

1.1. Hủy một phần Quyết định số 283/QĐ-UBND về việc *"Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng Công trình: Hạ tầng kỹ thuật khu đất tại đường 30 tháng 4,* tổ dân phố D, phường T, thành phố B *(đợt 1)"*; Buộc Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk phải hỗ trợ về khoản đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm; hỗ trợ ổn định đời sống sản sản xuất cho hộ ông Nguyễn Ngọc T; ông Nguyễn Ngọc L; ông Đào Cao C; ông Phạm Văn H; bà Đỗ Thị Thanh T1 (ông Đào Cao D).

1.2. Bác một phần yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Nguyễn Ngọc T; ông Nguyễn Ngọc L; ông Đào Cao C; ông Phạm Văn H; bà Đỗ Thị Thanh T1 (ông Đào Cao D) về yêu cầu phải bổ sung phương án bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại.

2. Án phí phúc thẩm: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0002146 ngày 07/6/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

3. Án phí sơ thẩm được thực hiện theo quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 60/2023/HC-ST ngày 05/5/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tiến